

Bản án số: 72/2025/HS-ST
Ngày: 28 - 3 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Văn Hùng; Ông Hạng Minh Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2025/TLST-HS, ngày 28 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 3 năm 2025, theo quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/HSST-QĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên **Phí Ngọc T**, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 3, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phí Quốc V, sinh năm 1966 và Đặng Thị Ng, sinh năm 1968; Vợ là Dương Thị Thu B (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2011. Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 11/02/2022, bị Công an thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi: “Xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác”. Cơ quan Công an đã nhiều lần đơn đốc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng T chưa thi hành khoản tiền nêu trên.

Nhân thân: Bản án số 21/2013/HSST ngày 23/01/2013 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội

“Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự 1999 (đã chấp hành xong bản án).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2024 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- *Người chứng kiến*: Ông Nguyễn Sỹ L, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Tổ 03, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 00 phút ngày 20/12/2024, tổ công tác Công an phường T, thành phố T làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại khu vực tổ 5 của phường thì phát hiện 01 người đàn ông đang đi bộ ở lề đường có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy. Qua kiểm tra, người đàn ông khai nhận họ tên là Phí Ngọc T và tự giác giao nộp từ túi áo khoác bên trái cho tổ công tác 01 gói giấy bạc màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng (theo T khai là Heroine của T). Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng theo quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra tiến hành cân xác định: Số chất bột màu trắng thu giữ của Thanh có khối lượng 0,102 gam (niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định).

Tại Kết luận giám định số 72/KL-KTHS ngày 28/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có tên khoa học là: Diacetylmorphine, có khối lượng thu giữ ban đầu là 0,102 gam.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phí Ngọc T khai nhận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 20/12/2024, Thanh đi bộ từ nhà thuộc tổ 3, phường T, thành phố T đến khu vực đầu đường T mục đích tìm mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Tại đây, T gặp và mua của một nam giới không quen biết 01 gói Heroine được gói bằng giấy bạc màu trắng với giá 150.000 đồng. Mua xong, T cất giấu gói ma túy vào túi áo

khoác bên trái rồi tiếp tục đi bộ để tìm nơi sử dụng. Khi đi đến tổ 05, phường T, thành phố T thì bị tổ công tác của công an phường T bắt quả tang như trên.

Cáo trạng số 56/CT-VKSTPTN ngày 26/02/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố Phí Ngọc T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Phí Ngọc T phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Phí Ngọc T từ 18 đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 02 bì niêm phong ký hiệu A1, A2 bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định và vỏ bao mẫu vật.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo để bị cáo cải tạo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người

tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai đó có căn cứ và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Vào hồi 11 giờ 00 phút ngày 20/12/2024, tại tổ 5, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo Phí Ngọc T có hành vi tàng trữ 0,102 gam chất ma túy loại “Heroin” để sử dụng cho bản thân thì bị Tổ công tác Công an phường T phát hiện và bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng.

Hành vi của bị cáo Phí Ngọc T có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Nội dung Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.”

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3]. Về tính chất mức độ tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự xã hội ở địa phương, còn là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm khác... Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo với một mức án nghiêm minh và cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[4]. Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Về nhân thân bị cáo là người có nhân thân xấu, đã Tòa án bị xử phạt về tội “Cố ý gây thương tích” và xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác”, bị cáo không lấy đó làm bài học rèn luyện để trở thành công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Xét tính chất mức độ tội phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy, nghề nghiệp tự do, thu nhập ổn định, phạm tội không nhằm thu lợi bất chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Đối với 02 bì niêm phong ký hiệu A1, A2 bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định và vỏ bao mẫu vật là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

[7]. Về nguồn gốc số Heroine bị thu giữ: Bị cáo khai mua của một người đàn ông không rõ lai lịch địa chỉ nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố T không có cơ sở điều tra làm rõ để xử lý.

[8]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên trong lời luận tội về tội danh, về hình phạt, về án phí và xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Phí Ngọc T** phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt chính: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Phí Ngọc T **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20 tháng 12 năm 2024.

3. Về hình phạt bổ sung: Không phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

4. Về tạm giam: Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố Tụng hình sự, ra quyết định tạm giam bị cáo Phí Ngọc T với thời hạn **45** (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bì niêm phong ký hiệu A1, A2 bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định và vỏ bao mẫu vật.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 109 ngày 24/02/2025 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T).

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố Tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phí Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP.T;
- Cơ quan điều tra CA TP.T;
- CQTHAHS Công an TP.T;
- CCTHADS TP.T;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VP, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Sái Đức Trung